

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TC
TỈNH AG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn và nuôi con
chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thuận và bà Nguyễn Thị Lệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa:* Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ 07, ấp THB, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG, có mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 05, ấp THB, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Hôn nhân giữa chị L và anh S do mai mối, có tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90/HT ngày 18/08/2014. Sau khi cưới, vợ chồng chị L và anh S sống chung gia đình chị L tại tổ 07, ấp THB, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng bắt đầu từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tranh cãi. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước nên chị L và anh S sống xa nhau từ năm 2020 cho đến nay. Gia đình hai bên có hàn gắn

nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị L và anh S có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị QA, sinh ngày 16/04/2015 và Nguyễn QA1, sinh ngày 13/07/2020. Hiện cháu QA và cháu QA1 đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dạy 02 (hai) con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, với số tiền 900.000 đồng/tháng/một con chung, kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 66/TB-TLVA ngày 17/02/2023 và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn S nhưng anh S vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và không cung cấp văn bản ý kiến phản hồi cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

Tại phiên tòa, anh S vắng mặt; chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh S.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh (ghi lời khai) của bà Trần Thị K (mẹ ruột anh Nguyễn Văn S) về mối quan hệ hôn nhân và gia đình, nuôi con chung của chị L và anh S cụ thể:

Anh S và chị L do mai mối, chị L và anh S đồng ý tìm hiểu, yêu thương nhau, hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, thị xã TC, tỉnh AG. Sau khi cưới, chị L và anh S về sống chung gia đình của chị L. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên cãi nhau và sống xa nhau từ năm 2020 cho đến nay. Anh S có về nói với gia đình là không sống chung với chị L được vì không hoà hợp.

Anh S và chị L có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị QA, sinh ngày 16/04/2015 và Nguyễn QA1, sinh ngày 13/07/2020. Hiện cháu QA và cháu QA1 đang sống chung với chị L, được chị L nuôi dạy tốt. S làm thuê thu nhập từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự, quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về giải quyết vụ án, căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xét hỏi tại phiên tòa nhận thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của chị L và anh S đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh S có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị QA, sinh ngày 16/04/2015 và Nguyễn QA1, sinh ngày 13/07/2020. Hiện cháu QA và cháu QA1 đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dạy 02 (hai) con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Đồng thời cháu QA có nguyện vọng sống chung với mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn S của chị Nguyễn Thị L.

- *Về quan hệ con chung:* Chị L và anh S có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị QA, sinh ngày 16/04/2015 và Nguyễn QA1, sinh ngày 13/07/2020. Hiện cháu QA và cháu QA1 đang sống chung với chị L. Nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện của chị L và yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Anh S có nơi cư trú tại ấp THB, xã TA, thị xã TC, tỉnh AG. Xét,

đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn S được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh S tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90/HT ngày 18/08/2014 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị L khai, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng bắt đầu từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tranh cãi. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước nên chị L và anh S không còn chung sống từ năm 2020 đến nay. Gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.

Theo biên bản xác minh bà Trần Thị K (mẹ ruột anh Nguyễn Văn S): Thời gian đầu, vợ chồng L và S chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm nên cãi nhau và sống xa nhau từ năm 2020 cho đến nay. Anh S có về nói với gia đình là không sống chung với chị L được vì không hoà hợp.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị L và anh S hàn gắn tình cảm, nhưng anh S vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị L và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị L ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh S có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị QA, sinh ngày 16/04/2015 và Nguyễn QA1, sinh ngày 13/07/2020. Hiện cháu QA và cháu QA1 đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dạy 02 (hai) con chung, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung 900.000 đồng/tháng/một con chung, kể từ tháng 9 năm 2023 cho

đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Đồng thời cháu QA có nguyện vọng sống chung với mẹ L.

Theo biên bản xác minh bà Trần Thị K (mẹ ruột anh Nguyễn Văn S): Hiện cháu QA và cháu QA1 đang sống chung với chị L, được chị L nuôi dạy tốt. S làm thuê thu nhập từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng.

Để đảm bảo môi trường sống của cháu QA và cháu QA1 không bị xáo trộn và quyền lợi mọi mặt của của các con, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung QA và cháu QA1, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung 900.000 đồng/tháng/một con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai, trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh S không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG .

Anh S phải chịu án 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Theo quy định tại Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm d khoản 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 90/HT do Ủy ban nhân dân xã TA, thị xã TC, tỉnh AG cấp ngày 18/8/2014 cho anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị L không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thị QA, sinh ngày 16/04/2015 và Nguyễn QA1, sinh ngày 13/07/2020.

Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 900.000 đồng/tháng/một con chung, kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Chị Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007335 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

Anh Nguyễn Văn S phải chịu án 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh S là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh AG (01);
- VKSND TX. TC (02);
- Chi cục THADS TX. TC (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Dương